TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27- 6- 2022
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông La Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Cương;

2. Bà Lê Kim Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Thanh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2022 về "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình, ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXST-HN ngày 17-5-2022 vá Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2022/QĐST-HN ngày 07-6-2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Đặng Thị Tuyết Nh, sinh năm 2000, nơi cư trú: ấp TA, xã TT, huyện T, tỉnh An Giang, vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Ông Yam BranD, sinh năm 1988, nơi cư trú: số 35A, G, Baymouth, On, Pop lZo, Canada (Canadian), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; bản tự khai nguyên đơn bà Đặng Thị Tuyết Nh trình bày:

Năm 2019, qua mai mối bà Đặng Thị Tuyết Nh tổ chức lễ cưới và sống chung với ông Yam BranD có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân huyện T, tỉnh An Giang được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 22/02/2019. Trong quá trình chung sống thời gian đầu sống chung hạnh phúc nhưng đến tháng 3 năm 2021 do dịch Covid nên ông BranD trở về Canada sinh sống đến nay bà Nh và ông BranD không còn liên lạc.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Yam BranD đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý và lịch làm việc vào ngày 08-4-2022 qua đường bưu điện (tem định vị) nhưng ông Yam BranD không đến Tòa án và cũng không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án.

Ngày 04-4-2022, bà Nh có đơn yêu cầu không hòa giải và yêu cầu xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, Chủ tọa phiên tòa công bố các đơn và tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Yam BranD, sinh năm 1988, có nơi cư trú tại Canada, nguyên đơn có nơi cư trú tại ấp TA, xã TT, huyện T, tỉnh An Giang. Nguyên đơn khởi kiện ly hôn, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40 và điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vụ án hôn nhân và gia đình không thuộc trưởng hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên không có Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 04-4-2022. Bị đơn ông Yam BranD đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý và lịch làm việc vào ngày 08-4-2022 qua đường bưu điện (tem định vị) nhưng ông Yam BranD không đến Tòa án và cũng không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Đặng Thị Tuyết Nh và ông Yam BranD có quan hệ hôn nhân, đăng ký tại Ủy ban nhân huyện T, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận kết số 06 ngày 22/02/2019 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn khởi kiện ly hôn và trình bày sau khi kết hôn thời gian đầu bà Nh và ông sống chung hạnh phúc nhưng đến tháng 3 năm 2021 do dịch Covid nên ông BranD trở về Canada sinh sống đến nay. Bà Nh và ông BranD không còn liên lạc.Về phía bị đơn không có ý kiến về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Xét thấy, các bên không còn chung sống trong thời gian dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, Bà Nh yêu cầu ly hôn bà ông BranD là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung, các đương sự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét đến.

[3] Về chi phí tố tụng: Không có.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, buộc nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Tuyết Nh.

1. Bà Đặng Thị Tuyết Nh được ly hôn với ông Yam BranD.

Giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 22/02/2019 của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Bà Đặng Thị Tuyết Nh phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000091 ngày 31-3-2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà Đặng Thị Tuyết Nh đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Bà Đặng Thị Tuyết Nh có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Thời hạn kháng cáo của ông Yam BranD là 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THA dân sự tỉnh An Giang;
- Ủy ban nhân dân xã TT, huyện T;
- Phòng KTNV và THA;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Tòa GĐ và NCTN;
- Đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

La Hồng